

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày 07-5-2020

*“V/v ly hôn giữa chị D - anh
N”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Đức - Thẩm phán
Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Phương - Cán bộ tư pháp xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ,
tỉnh Thái Bình.

Ông Phạm Ngọc Túy - Phó Hiệu trưởng Trường Trung cấp Nông nghiệp
tỉnh Thái Bình.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Doanh - Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham
gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái
Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 340/2019/TLST–HNGĐ ngày 11
tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ
án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020 giữa các
đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- **Bị đơn:** Anh Trương Thành N, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn Việt Th, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt các đương sự)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai nguyên đơn là chị Vũ Thị D trình bày: Chị và anh Trương Thành N tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 20/5/2004, sau khi kết hôn cả hai đều sinh sống tại xã A. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, anh N hay uống rượu, không tu chí làm ăn đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Tháng 8/2019 mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị xin được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị D khai vợ chồng có 02 con chung là Trương Đại Th2, sinh ngày 14/3/2005 và Trương Thảo M, sinh ngày 25/3/2009 hiện chị đang trực tiếp nuôi dưỡng, ly hôn xảy ra chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị D khai vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Trương Thành N trình bày: Anh xác nhận lời khai của chị D về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng cũng như nguyên nhân mâu thuẫn nhưng anh xác nhận tình cảm vợ chồng giữa anh và chị D vẫn còn, anh đề nghị xin được đoàn tụ vợ chồng. Hiện tại anh N không có công việc nghề nghiệp gì ổn định.

Về con chung: Anh N xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị D đã khai. Do anh đề nghị xin được đoàn tụ vợ chồng nên anh không đưa ra quan điểm nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Anh N xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn và bị đơn trong giai đoạn tố tụng và tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị D được ly hôn anh N. Về con chung: Xử giao 02 con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Chị D và anh N không có tài sản chung vì vậy không đặt ra giải quyết. Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại thôn Việt Th, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Vũ Thị D và anh Trương Thành N được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q vào ngày 20/5/2004 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị D và anh N đều sinh sống tại xã A và lao động tự do, trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã

dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Tháng 8/2019 mâu thuẫn căng thẳng, chị D đã đưa 02 con chung trở về quê tại xã M sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị D làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn anh N. Đối với anh N có quan điểm thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn và đề nghị xin được đoàn tụ vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, để hai bên có cơ hội trở về đoàn tụ, nhưng chị D cự tuyệt tình cảm và đề nghị xin được ly hôn. Qua xác minh cơ sở thôn Việt Th và cán bộ tư pháp xã A đều xác nhận cuộc sống vợ chồng giữa chị D và anh N đã phát sinh mâu thuẫn và hiện tại hai bên đã sống ly thân, đề nghị Tòa án căn cứ vào hiện trạng thực tế để giải quyết nguyện vọng của chị D theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay chị D vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị xin được ly hôn, điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị D được ly hôn anh N là có căn cứ.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng của chị D về nuôi dưỡng con chung cho thấy, chị D và anh N có hai con chung Trương Đại Th2, sinh ngày 14/3/2005 và Trương Thảo M, sinh ngày 25/3/2009. Chị D đề nghị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Còn đối với anh N không đưa ra quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy hiện tại con chung do chị D đang trực tiếp nuôi dưỡng chu đáo kể từ khi sống ly thân cho đến nay. Con chung đều có đơn gửi Tòa án bày tỏ nguyện vọng xin được ở với mẹ, vì vậy cần giao hai con chung cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị D và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[5] Về án phí và lệ phí tòa án: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị D được ly hôn anh Trương Thành N.

2/Về con chung: Xử giao 02 con chung Trương Đại Th2, sinh ngày 14/3/2005 và Trương Thảo M, sinh ngày 25/3/2009 cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N có quyền đi lại thăm nom con chung.

3/Về tài sản chung: Chị D và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004230 ngày 11/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị D và anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã A;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC

